



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BECAMEX BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **14** /TB-BBĐ

Bình Định, ngày **15** tháng 4 năm 2024

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc công khai Giấy phép môi trường số 107/GPMT-BTNMT ngày 02/04/2024**

Căn cứ quy định tại điểm đ, Khoản 2, Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Khoản 1, Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngày 02/04/2024 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy phép môi trường số 107/GPMT-BTNMT cấp phép cho Công ty Cổ phần Becamex Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định” – Giai đoạn 1 có diện tích 187,65ha tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Thực hiện theo Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc công khai thông tin môi trường, Công ty Cổ phần Becamex Bình Định thông báo công khai nội dung Giấy phép môi trường theo đúng quy định pháp luật. (Giấy phép môi trường đính kèm theo)

Trân trọng thông báo!

**Nơi nhận:**

- Ban Tổng giám đốc (b/cáo);
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc (t/hiện);
- Toàn thể cán bộ, nhân viên (t/hiện);
- Lưu: VT.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC PHÒNG TC-HC**



**NGUYỄN THẾ HIỂN**



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 20/BBĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định” (Giai đoạn 1: diện tích 187,65 ha) và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Becamex Bình Định, địa chỉ tại số 11 Ngô Mây, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định” - Giai đoạn 1 có diện tích 187,65 ha tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án đầu tư: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (sau đây viết tắt là KCN).

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0452424110 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp, chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 8 năm 2020; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 4101505893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 4101505893.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Dệt (trong đó có công đoạn nhuộm để hoàn chỉnh sản phẩm)	C13
3	Sản xuất trang phục (trong đó có công đoạn nhuộm để hoàn chỉnh sản phẩm)	C14
4	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không thuộc da tươi)	C15
5	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C16
6	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không sản xuất bột giấy từ tranh, tre, nứa, rừng trồng)	C17
7	In, sao chép bản ghi các loại	C18
8	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	C20
9	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
10	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (không có chế biến mũ cao su)	C22
11	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	C231
12	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	C2391
13	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	C2392
14	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	C2393
15	Sản xuất vôi	C23942
16	Sản xuất thạch cao	C23943
17	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	C2395
18	Sản xuất sắt, thép, gang	C241
19	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (có một công đoạn xi mạ để hoàn chỉnh sản phẩm)	C25
20	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
21	Sản xuất thiết bị điện	C27
22	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
23	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
24	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
25	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
26	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác (có một công đoạn xi mạ để hoàn chỉnh sản phẩm)	C32
27	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
28	Tái chế phế liệu	E383
29	Dịch vụ lưu trú	I55
30	Dịch vụ ăn uống	I56
31	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
32	Bưu chính và chuyển phát	H53
33	Hoạt động truyền hình	C6021
34	Viễn thông	E61

*Ghi chú: Thực hiện thu hút các ngành nghề đầu tư theo đúng quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.*

#### 1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: khoảng 1.000 ha, trong đó:

- + Giai đoạn 1 có diện tích 187,65 ha (đã hoàn thiện hạ tầng cơ sở về bảo vệ môi trường).
- + Giai đoạn 2 có diện tích 325,17 ha (đang xây dựng).
- + Giai đoạn 3 có diện tích 284,49 ha (chưa xây dựng).
- + Giai đoạn 4 có diện tích 202,69 ha (chưa thực hiện).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Becamex Bình Định có trách nhiệm:
  - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
  - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
  - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
  - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
  - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

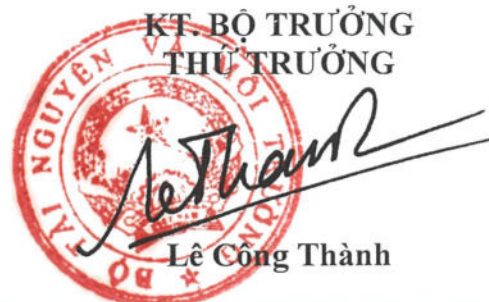
### **Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.**

(từ ngày 02 tháng 4 năm 2024 đến ngày 01 tháng 4 năm 2031).

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Định (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định;
- BQL Khu kinh tế tỉnh Bình Định;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Becamex Bình Định;
- Lưu: VT, KSONMT, CN&NH, O(11).



**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- 1.1. Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất thứ cấp trong KCN.  
 1.2. Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ khu kỹ thuật, dịch vụ của KCN.  
 1.3. Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm của trạm xử lý nước thải tập trung KCN.  
 1.4. Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ quá trình ép bùn của trạm xử lý nước thải tập trung KCN.  
 1.5. Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A.  
 1.6. Nguồn số 06: nước thải phát sinh từ Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1B.  
 1.7. Nguồn số 07: nước thải phát sinh từ Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 2.  
 1.8. Nguồn số 08: nước thải phát sinh từ Khu tái định cư - dân cư Tân Vinh.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

- 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Đất Sét sau đó chảy vào sông Hà Thanh.  
 2.2. Vị trí xả nước thải:  
 - Xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.  
 - Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1518225; Y = 587508.  
 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).  
 - Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý tự chảy ra suối Đất Sét rồi đổ vào sông Hà Thanh.  
 - Hình thức xả: xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với các hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		
3	COD	mg/l	60,75		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5	03 tháng/lần	Không yêu cầu	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05			
6	Độ màu	Pt/Co	50			
7	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	24,3			
8	Asen	mg/l	0,0405			
9	Thủy ngân	mg/l	0,00405			
10	Chì	mg/l	0,081			
11	Cadmi	mg/l	0,0405			
12	Crom (VI)	mg/l	0,0405			
13	Crom (III)	mg/l	0,162			
14	Đồng	mg/l	1,62			
15	Kẽm	mg/l	2,43			
16	Niken	mg/l	0,162			
17	Mangan	mg/l	0,405			
18	Sắt	mg/l	0,81			
19	Xianua	mg/l	0,0567			
20	Phenol	mg/l	0,081			
21	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05			
22	Clo dư	mg/l	0,81			
23	Sunfua	mg/l	0,162			
24	Florua	mg/l	4,05			
25	Clorua	mg/l	405			
26	Tổng Nitơ	mg/l	16,2			
27	Tổng Photpho	mg/l	3,24			
28	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	3.000			01 năm/lần
29	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1			
30	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1			
31	Tổng PCBs	mg/l	0,00243			
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405			
33	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243			

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ các nguồn phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN có công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN đã xây dựng mô đun 01 có công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải đầu vào → lọc rác thô → hầm bơm → lọc rác

ting → bể lắng cát kết hợp tách dầu → bể điều hòa → cụm bể trung hòa - keo tụ - tạo bông → bể lắng bùn hóa lý → bể trung gian 1 → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể trung gian 2 → bể khử trùng → mương quan trắc → nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaOH, PAC, Polymer Anion, CaOCl, Polymer Cation, hóa chất khử màu (WS11), mật ri đường (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: tại mương quan trắc.

- Thông số lắp đặt: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni và độ màu.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu quan trắc tự động, liên tục truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, thể tích khoảng 12.000 m<sup>3</sup>.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã trang bị 01 máy phát điện dự phòng công suất 200 kVA, sử dụng dầu diesel để sử dụng trong trường hợp hệ thống lưới điện có sự cố.

- Trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải có thiết bị dự phòng đối với tất cả các thiết bị vận hành thường xuyên, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng hoặc tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Khi duy tu, bảo dưỡng hệ thống: nước thải được chứa vào hồ sự cố. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra các bộ phận của máy móc thiết bị và tiến hành thay thế kịp thời bằng thiết bị dự phòng hiện có của Dự án. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, lập tức ngưng thoát nước thải vào nguồn tiếp nhận. Chuyển toàn bộ nước thải từ bể khử trùng về hồ sự cố. Xác định vị trí xảy ra sự cố, đồng thời kiểm tra, rà soát, xác định nguyên nhân, đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn tiếp nhận, bơm dẫn nước thải từ hầm bơm về hồ sự cố để tuần hoàn xử lý lại, giảm hoặc tạm ngưng bơm nước thải từ các bể chứa trung chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung để không làm tăng lưu lượng và tải lượng ô nhiễm. Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước thải của các doanh nghiệp tại các hố ga đầu nối, khi phát hiện bất thường thông báo cho doanh nghiệp gây ô nhiễm ứng phó. Tuần hoàn nước sau xử lý về để giảm thiểu nồng độ đầu vào hoặc vận hành hệ thống với lưu lượng thích hợp để đảm bảo hệ thống không bị sốc tải đột ngột và nước thải đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Trường hợp lưu lượng đầu vào lớn hơn công suất thiết kế, mở van dẫn lượng nước thải dư từ hầm bơm dẫn về hồ sự cố. Lưu chứa tại hồ sự cố để tránh hệ thống vượt tải, sau khi lưu lượng còn lại được xử lý, sẽ tiến hành bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Thường xuyên/đột xuất lấy mẫu kiểm tra các doanh nghiệp xả nước thải với lưu lượng lớn, có nguy cơ ô nhiễm cao để sớm phát hiện doanh nghiệp có vấn đề về nước thải, xả thải không đạt theo tiêu chuẩn tiếp nhận, yêu cầu doanh nghiệp này ngưng xả thải và nhanh chóng khắc phục lại sự cố. Ngoài ra, yêu cầu các doanh nghiệp trong KCN có lưu lượng nước lớn và ô nhiễm phải xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố khi nước thải xử lý không đạt theo tiêu chuẩn tiếp nhận.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trong KCN, buộc các cơ sở thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Kiểm soát chất lượng nước đầu ra từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, thường xuyên lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động tốt.

- Định kỳ hàng năm bảo dưỡng, nạo vét cống thoát nước, hồ thu đường ống thu gom nước thải và xả nước thải sau xử lý theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

#### 1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	6 - 9
3	Độ màu	Pt-Co	150
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	400
5	COD	mg/l	600
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thủy ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadmi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,0405
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,5
17	Sắt	mg/l	1
18	Xianua	mg/l	0,0567
19	Phenol	mg/l	0,081



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Clo dư	mg/l	0,81
22	Sunfua	mg/l	0,162
23	Florua	mg/l	4,050
24	Clorua	mg/l	405
25	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
26	Tổng Nitơ	mg/l	40
27	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	10.000
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3
31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	Không phát hiện
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	Không phát hiện
33	Tổng PCBs	mg/l	Không phát hiện

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Mô đun 01 của trạm xử lý nước thải tập trung KCN, công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại hầm bơm nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung KCN.
- Tại mương quan trắc của trạm xử lý nước thải tập trung KCN.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm mô đun 01 của trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/ngày theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (và theo cam kết của chủ dự án đầu tư), cụ thể như sau: ít nhất 01 ngày/lần trong ít nhất là 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định” - Giai đoạn 1: diện tích 187,65 ha, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của KCN.

3.3. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành

bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hồ ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

3.4. Đảm bảo xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải của KCN để thu gom nước thải của các cơ sở thứ cấp với tính chất ô nhiễm khác nhau và thực hiện xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.


3.7. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.8. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.9. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) phải được kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.10. Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có) theo quy định; trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.11. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: khu vực đặt trạm bơm số 01 có công suất 5.160 m<sup>3</sup>/ngày trung chuyển nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: khu vực đặt trạm bơm số 02 có công suất 8.155 m<sup>3</sup>/ngày trung chuyển nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 04: khu vực đặt máy thổi khí cho bể Aerotank của trạm xử lý nước thải tập trung Giai đoạn 1.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: tọa độ: X = 1518147; Y = 587524.
- Nguồn số 02: tọa độ: X = 1518891; Y = 588712.
- Nguồn số 03: tọa độ: X = 1518414; Y = 588102.
- Nguồn số 04: tọa độ: X = 1518144; Y = 587505.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15' múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45	-	Khu vực đặc biệt

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55	-	Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

1.3. Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *tz*

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10
3	Ấc quy chì thải	19 06 01	6
	<b>Tổng</b>		<b>28</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	4
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	120
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	10
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	36
5	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	12
6	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	30
7	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN	12 06 05	1.063.920
	<b>Tổng</b>		<b>1.064.132</b>

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in từ văn phòng	15
2	Giấy và bao bì giấy cát tông thải bỏ	50
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	50
4	Cát lắng từ bể lắng cát	7.300
5	Bùn từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa, rác thải từ quá trình vệ sinh trong KCN	3.500
	<b>Tổng</b>	<b>10.915</b>

## 1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	12,2
	<b>Tổng</b>	<b>12,2</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng, bồn nhựa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 19,14 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: tường gạch, mái lợp tôn; nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, rãnh thu gom chất thải dạng lỏng; có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

- Khu vực lưu giữ bùn thải nằm trong nhà ép bùn có diện tích 116,2 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: nhà 02 tầng, có mái che, nền bê tông chống thấm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: các thùng nhựa lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có nắp đậy được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn thông thường.

- Không bố trí kho lưu chứa riêng chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy.

- Không bố trí kho lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

1. Đã hoàn thành Giai đoạn 1 với quy mô diện tích là 187,65 ha trên tổng diện tích 1.000 ha của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định, diện tích 1.000 ha” theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1455/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 6 năm 2019 .

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1455/QĐ-BTNMT nêu trên, cụ thể như sau:

2.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phần diện tích 812,35 ha của KCN (các hạng mục, công trình hạ tầng của KCN bao gồm hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom, thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh,...).

Công ty chỉ được triển khai thực hiện đối với phần diện tích đất đã hoàn thành thủ tục pháp lý về đất đai, quy hoạch.

2.2. Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau khi hoàn tất giải phóng mặt bằng theo quy hoạch được duyệt.

2.3. Xây dựng và lắp đặt bổ sung các giai đoạn theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt, bao gồm:

- Giai đoạn 2: phạm vi thực hiện bao gồm: giải phóng mặt bằng, san nền, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, cảnh quan cây xanh trên diện tích 325,17 ha và trạm xử lý nước thải tập trung gồm 01 mô đun công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày, 01 hồ sự cố dung tích 4.000 m<sup>3</sup>.

- Giai đoạn 3: phạm vi thực hiện bao gồm: giải phóng mặt bằng, san nền, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, cảnh quan cây xanh trên diện tích 284,49 ha và trạm xử lý nước thải tập trung gồm 03 mô đun với mỗi mô đun có công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày (tổng công suất là 12.000 m<sup>3</sup>/ngày), 02 hồ sự cố dung tích 8.000 m<sup>3</sup> và 12.000 m<sup>3</sup>.

- Giai đoạn 4: phạm vi thực hiện bao gồm: giải phóng mặt bằng, san nền, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, cảnh quan cây xanh trên diện tích 202,69 ha và

trạm xử lý nước thải tập trung gồm 02 mô đun với mỗi mô đun có công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày và 01 mô đun công suất 3.500 m<sup>3</sup>/ngày (tổng công suất là 11.500 m<sup>3</sup>/ngày), 01 hồ sự cố dung tích 12.000 m<sup>3</sup>.

Cụ thể các hạng mục, công trình tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

TT	Hạng mục	Khối lượng thực hiện còn lại
1	Chuẩn bị mặt bằng và san nền	Diện tích tiếp tục giải phóng mặt bằng còn lại là: 107,7ha. Tổng khối lượng tiếp tục thực hiện: 588,208795 ha.
2	Hệ thống giao thông	Tiếp tục thực hiện các tuyến đường còn lại Đường N1: 0,25 km      Đường D6: 0,15 km Đường N2: 0,25 km      Đường D7: 0,9 km Đường N4: 1,74 km      Đường D8: 0,84 km Đường N5: 0,88 km      Đường D9: 0,6 km Đường N6: 0,31 km      Đường D10: 1,86 km Đường N7: 0,7 km      Đường D11: 0,57 km Đường N8: 0,43 km      Đường D12: 1,7 km Đường N9: 0,97 km      Đường D13: 0,64 km Đường D3: 2,05 km      Đường D14: 4,15 km Đường D4: 0,72 km      Đường D15: 1,08 km Đường D5: 1,43 km
3	Hệ thống thông tin liên lạc	Tiếp tục thực hiện các khối lượng còn lại như sau: Tuyến ống PVC D110: 63.262,5 m Hố ga loại 4 : 297 cái Hố ga loại 5 : 05 cái Hố ga loại 6 : 14 cái Hố ga loại 7 : 09 cái
4	Hệ thống cấp điện	Tiếp tục thực hiện khối lượng còn lại khoảng 80%
5	Hệ thống cấp nước	Tiếp tục thực hiện hệ thống cấp nước như sau: Ống nhựa HDPE D225: 15.572,7 m Ống nhựa HDPE D250: 8061,3 m Ống nhựa HDPE D280: 10.621,7 m Ống nhựa HDPE D315: 5,1 m Ống nhựa HDPE D400: 2.953 m Ống nhựa HDPE D500: 9.771,6 m Ống nhựa HDPE D560: 440 m Trụ cứu hỏa: 166 cái
6	Hệ thống thoát nước mưa	Tiếp tục thực hiện hệ thống thoát nước mưa còn lại như sau: Cống thoát nước mưa D800: 29.072 m Cống thoát nước mưa D1000: 4.322 m Cống thoát nước mưa D1200: 2.393 m Cống thoát nước mưa D1500: 2.115 m Cống thoát nước mưa D1800: 1.162 m Cống thoát nước mưa D2000: 426 m Hố ga thoát nước mưa: 1.551 cái Cửa xả thoát nước mưa D800: 06 cái Cửa xả thoát nước mưa D1000: 11 cái Cửa xả thoát nước mưa D1200: 08 cái Cửa xả thoát nước mưa D1500: 19 cái Cửa xả thoát nước mưa D1800: 09 cái Cửa xả thoát nước mưa D2000: 04 cái



TT	Hạng mục	Khối lượng thực hiện còn lại
7	Hệ thống thu gom nước thải	Tiếp tục thực hiện hệ thống thoát nước thải còn lại như sau: Ống thoát nước thải HDPE DN400: 21.347 m Ống thoát nước thải HDPE DN630: 5.948 m Ống thoát nước thải HDPE DN800: 855 m Ống thoát nước thải HDPE DN225: 142 m Ống thoát nước thải HDPE DN315: 33 m Hồ ga: 827 cái
8	Khu cảnh quan và cây xanh	Tiếp tục trồng cây xanh trên diện tích: 171,242 ha, bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định.
9	Hệ thống xử lý nước thải	Tiếp tục đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải các giai đoạn tiếp theo và hồ sự cố: - Giai đoạn 02: trạm xử lý nước thải tập trung gồm 01 mô đun công suất 4.000 m <sup>3</sup> /ngày, hồ sự cố dung tích 4.000 m <sup>3</sup> . - Giai đoạn 03: trạm xử lý nước thải tập trung gồm 03 mô đun mỗi mô đun có công suất 4.000 m <sup>3</sup> /ngày (tổng công suất là 12.000 m <sup>3</sup> /ngày), 02 hồ sự cố dung tích 8.000 m <sup>3</sup> và 12.000 m <sup>3</sup> . - Giai đoạn 04: trạm xử lý nước thải tập trung gồm 02 mô đun mỗi mô đun có công suất 4.000 m <sup>3</sup> /ngày và 01 mô đun công suất 3.500 m <sup>3</sup> /ngày (tổng công suất là 11.500 m <sup>3</sup> /ngày), hồ sự cố dung tích 12.000 m <sup>3</sup> .

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: nước thải → lược rác thô → hầm bơm → lược rác tinh → bể lắng cát kết hợp tách dầu → bể điều hòa → cụm bể trung hòa - keo tụ - tạo bông → bể lắng bùn hóa lý → bể trung gian 1 → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể trung gian 2 → bể khử trùng → mương quan trắc → nguồn tiếp nhận (suối Đất Sét sau đó ra sông Hà Thanh).

- Nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với các hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ ).

- Xây dựng hệ thống tái sử dụng nước thải sau xử lý:

+ Nước thải sau trạm xử lý tập trung sẽ được đưa vào hệ thống tái sử dụng nước thải xử lý để tái sử dụng.

+ Quy trình xử lý: bể trung gian → bồn lọc đa lớp 1 và 2 → bồn lọc tinh 100 micron 1 và 2 → bồn siêu lọc UF 1 và 2 → bồn chứa nước UF + rửa ngược → hệ lọc thẩm thấu ngược RO 1 và 2 → bồn chứa nước thành phẩm.

Việc tái sử dụng nước thải phải tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.4. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Kiểm soát tác động của bụi và khí thải trong quá trình thi công các hạng mục công trình của Dự án:

+ Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động; lập rào chắn bằng tôn cao ít nhất 02 m bao quanh khu vực thi công để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh; đối với các vật liệu gây ô nhiễm bụi cao (cát, đá xây dựng), áp dụng phương pháp bốc dỡ ướt (bơm cát ướt) nhằm hạn chế tác động đến môi

trường không khí; phun nước chống bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi, với tần suất tối thiểu là 01 lần/ngày; có kế hoạch thi công và kế hoạch cung cấp vật tư phù hợp với từng giai đoạn xây dựng để hạn chế bụi tại khu vực thi công.

+ Khi bốc dỡ nguyên vật liệu, công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động.

+ Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật để khả năng phát sinh chất thải ít nhất.

+ Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ tránh vương vãi đất ra đường.

+ Phân bố luồng xe tải ra vào công trường chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

+ Các phương tiện giao thông vận tải và thi công cơ giới sẽ được sử dụng đúng với thiết kế của động cơ, tải trọng và theo chế độ chạy xe hợp lý để giảm thiểu lượng khí thải sinh ra.

+ Công nhân sẽ được trang bị các phương tiện bảo hộ lao động để hạn chế ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe.

+ Áp dụng các biện pháp thi công phù hợp, cơ giới hóa các thao tác trong quá trình thi công.

+ Hằng ngày tổ chức vệ sinh công nghiệp trên công trường vào cuối giờ làm việc, bảo đảm cho công trường luôn được gọn sạch.

- Không chế tác động do nước thải trong quá trình thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh ra từ khu vực lán trại của công nhân trên công trường phải được thu gom và xử lý theo quy định.

+ Đào hố xây dựng bể lắng tạm thời.

+ Yêu cầu các nhà thầu thi công không thay nhớt trong khuôn viên Dự án.

+ Nước từ quá trình rửa xe, máy móc thiết bị được đưa đến bể lắng để lắng đất cát hay cặn lớn và dầu nhớt trên mặt nước trong bể được vớt bằng thủ công trước khi dẫn thoát ra hệ thống thoát nước của KCN để dẫn về xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung hiện hữu.

- Không chế tác động do nước mưa chảy tràn: thu gom rác thải sinh hoạt, không đổ rác vào hệ thống thoát nước tại khu vực Dự án; trong quá trình sửa chữa máy móc thiết bị, dầu nhớt sẽ được thu gom triệt để, không để rơi vãi hoặc đổ tùy tiện trên mặt bằng khu vực. Lượng chất thải này sẽ được xử lý như chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn: Phân loại rác thải tại nguồn, bố trí khu vực lưu trữ tạm thời và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các ô nhiễm khác:

+ Sử dụng các thiết bị, máy móc được kiểm chuẩn, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao; không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

+ Bố trí máy phát điện trong phòng cách âm, sử dụng móng bê tông vững chắc và đệm giảm chấn để chống rung, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế

những thiết bị hư hỏng.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng của Dự án.

3. Sau khi xây dựng, bổ sung các hạng mục trong giai đoạn tiếp theo, Công ty Cổ phần Becamex Bình Định có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong KCN phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của KCN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của KCN phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 200 kVA; nhiên liệu sử dụng là dầu diesel), không yêu cầu phải kiểm soát như nguồn phát sinh khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

8. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đấu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN trước khi thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong KCN được thu gom, đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

10. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

11. Nghiêm túc thực hiện lập, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Luật Đầu tư công số

39/2019/QH14, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

12. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong việc tổ chức triển khai xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch về đất đai và các quy hoạch khác có liên quan, quy hoạch tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

13. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của chính quyền địa phương.

14. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. / *lt*

19/19

